TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5-2025
"V/v Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Phi.
2. Ông Bùi Huy Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 463/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 về "*Tranh chấp Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1999.
Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Trần Đình Hữu T, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
(Bà B, ông T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Btrình bày: Bà B và ông Trần Đình Hữu T là quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 10-4-2017 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C,

huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, bà B cũng đã cố gắng nhường nhịn để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng qua thời gian cuộc sống vợ chồng vẫn không có hạnh phúc. Từ năm 2020, vợ chồng bà đã quyết định ly thân cho đến nay. Nay, bà B yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà B xin được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Bà B và ông T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Trần Đình Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy không lấy lời khai và tiến hành hòa giải được

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Bà B và ông T không có con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà B không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Bà B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng*:* Bà B và ông T sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay bà B yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của ông T là xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà B vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà B và ông T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10-4-2017 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo bà B, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Từ năm 2020, vợ chồng bà cũng đã ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng bà cũng như gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập bà B và ông T để hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng ông T không đến còn bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Ngoài ra, theo kết quả xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn giữa bà B và ông T là có thật.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà B được ly hôn với ông T.

[2.2]. Về nuôi con chung: Bà B và ông T không có con chung.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Bà B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị B và ông Trần Đình Hữu T.

2. Về nuôi con chung: Bà Lê Thị B và ông Trần Đình Hữu T không có con chung.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001648 ngày 19 tháng 11 năm 2024; bà Lê Thị B đã nộp xong án phí DSST.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BR-VT**;**
-VKSND H.Châu Đức;
-Chi cục THADS H.Châu Đức;
-UBND xã C;
-Các đương sự;
-Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga